

TUẦN 35

Thứ hai ngày 13 tháng 5 năm 20..

TIẾNG VIỆT : ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II (T1)

I/ Mục tiêu:

- **KT:** Kiểm tra lấy điểm tập đọc và học thuộc lòng. Kết hợp kiểm tra kĩ năng đọc hiểu. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học.

Hệ thống những điều cần ghi nhớ về nội dung chính của các bài tập đọc là văn xuôi thuộc chủ điểm *Khám phá thế giới* và *Tình yêu cuộc sống*.

Nghe - viết đúng chính tả, trình bày đúng bài thơ *Cô tâm của mẹ*.

- **KN:** Đọc trôi chảy các bài tập đọc. Phát âm rõ, tốc độ đọc 90 tiếng / phút

- **TĐ:** Tinh thần tự rèn

II/ Chuẩn bị:

Phiếu viết tên các bài tập đọc và học thuộc lòng. Bảng phụ.

III/ Các hoạt động dạy học:

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1phút	1.Hoạt động 1: Giới thiệu bài:	Lắng nghe
12phút	2.Hoạt động 2:Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: (1/3 số lượng học sinh trong lớp). Gọi 5 em lên bốc thăm về chuẩn bị 1- 2 phút. Gọi HS lên đọc bài Nêu câu hỏi	Lần lượt 5 em lên bốc thăm. Về chuẩn bị. Lên đọc bài Trả lời câu hỏi
20phút	3. Hoạt động 3: Bài tập: Nêu tên các bài tập đọc thuộc chủ điểm <i>Khám phá thế giới</i> và <i>Tình yêu cuộc sống</i> . BT2 : Nêu yêu cầu bài tập.	1 em nêu yêu cầu bài tập. Cả lớp đọc thầm. <i>Đường đi Sa Pa, Trăng ơi từ đâu đến?, Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất, Dòng sông mặc áo, Ấng-co-vát, Con chuồn chuồn nước, Vương quốc vắng nụ cười, Con chim chiền chiện, Tiếng cười là liều thuốc bổ, Ăn “mâm đá”</i>
3phút	Nêu yêu cầu hoạt động Phát bảng nhóm cho một số nhóm 3.Hoạt động 4: Cùng cố dặn dò: Nhận xét tiết học.	Hoạt động nhóm bốn Thảo luận Trình bày

Bổ sung:

TOÁN: ÔN TẬP VỀ TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG HOẶC HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

I/ Mục tiêu:

- **KT:** Giúp học sinh ôn tập củng cố về bài toán “Tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu và tỉ số của hai số đó”.
- **KN:** Rèn kĩ năng về giải bài toán “Tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu và tỉ số của hai số đó”.
- **TĐ:** Tích cực, tự giác

II/ Chuẩn bị:

Bảng phụ

III/ Các hoạt động dạy học:

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS																
4phút	A. Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ: Làm lại bài tập 5 sách giáo khoa Nhận xét bài cũ	1 em lên bảng																
1phút	B. Bài mới: 1. Hoạt động 2: Giới thiệu bài mới:	Nhận xét Lắng nghe																
6phút	2. Hoạt động 3: Luyện tập: BT1: (Cột 3 dành cho HS khá giỏi) H: Bài toán cho biết cái gì? H: Bài toán yêu cầu ta làm gì? H: Nêu cách tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó	Nêu yêu cầu bài tập Cho biết tổng hoặc hiệu và tỉ số của hai số Tìm hai số Tìm tổng số phần bằng nhau 1 em lên bảng																
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>Tổng hai số</td> <td style="text-align: center;">91</td> <td style="text-align: center;">170</td> <td style="text-align: center;">216</td> </tr> <tr> <td>Tỉ số của hai số</td> <td style="text-align: center;">$\frac{1}{6}$</td> <td style="text-align: center;">$\frac{2}{3}$</td> <td style="text-align: center;">$\frac{3}{5}$</td> </tr> <tr> <td>Số bé</td> <td style="text-align: center;">13</td> <td style="text-align: center;">68</td> <td style="text-align: center;">81</td> </tr> <tr> <td>Số lớn</td> <td style="text-align: center;">78</td> <td style="text-align: center;">102</td> <td style="text-align: center;">135</td> </tr> </table>	Tổng hai số	91	170	216	Tỉ số của hai số	$\frac{1}{6}$	$\frac{2}{3}$	$\frac{3}{5}$	Số bé	13	68	81	Số lớn	78	102	135	
Tổng hai số	91	170	216															
Tỉ số của hai số	$\frac{1}{6}$	$\frac{2}{3}$	$\frac{3}{5}$															
Số bé	13	68	81															
Số lớn	78	102	135															
7phút	Châm chữa BT2: (Cột 3 dành cho HS khá giỏi) H: Bài toán thuộc dạng gì?	Nhận xét bài làm của bạn Nêu yêu cầu bài tập + Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó																
8phút		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>Hiệu hai số</td> <td style="text-align: center;">72</td> <td style="text-align: center;">63</td> <td style="text-align: center;">105</td> </tr> <tr> <td>Tỉ số của hai số</td> <td style="text-align: center;">$\frac{1}{5}$</td> <td style="text-align: center;">$\frac{3}{4}$</td> <td style="text-align: center;">$\frac{4}{7}$</td> </tr> <tr> <td>Số bé</td> <td style="text-align: center;">18</td> <td style="text-align: center;">189</td> <td style="text-align: center;">140</td> </tr> <tr> <td>Số lớn</td> <td style="text-align: center;">90</td> <td style="text-align: center;">252</td> <td style="text-align: center;">245</td> </tr> </table>	Hiệu hai số	72	63	105	Tỉ số của hai số	$\frac{1}{5}$	$\frac{3}{4}$	$\frac{4}{7}$	Số bé	18	189	140	Số lớn	90	252	245
Hiệu hai số	72	63	105															
Tỉ số của hai số	$\frac{1}{5}$	$\frac{3}{4}$	$\frac{4}{7}$															
Số bé	18	189	140															
Số lớn	90	252	245															
	<p>? tấn</p> <div style="display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <div style="display: flex; flex-direction: column; gap: 5px;"> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Kho I:</div> </div> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;">Kho II:</div> </div> </div> <div style="margin-left: 20px; font-size: 2em;">}</div> <div style="margin-left: 10px;">1350tấn</div> </div> <p>Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là: $4 + 5 = 9$(phần) Số thóc ở kho thứ nhất là: $1350 : 9 \times 4 = 600$(tấn) Số thóc ở kho thứ hai: $1350 - 600 = 750$ (tấn)</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: Kho I: 600tấn ; Kho II: 750tấn</p>																	

6phút	BT4: (Dành cho HS khá giỏi) Ta có sơ đồ: <p>Kẹo: ? hộp Bánh: ? hộp 56 hộp</p>	Nhận xét Nêu yêu cầu bài tập Giải: Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 4 = 7$ (phần) Số hộp kẹo: $56 : 7 \times 3 = 24$ (hộp) Số hộp bánh: $56 - 24 = 32$ (hộp) Đáp số: Kẹo: 24 hộp Bánh : 32 hộp
2phút	BT5: Giải Hiệu số phần: $4 - 1 = 3$ (phần) T.con sau 3 năm nữa: $27 : 3 = 9$ (tuổi) T.con hiện nay: $9 - 3 = 6$ (tuổi) T.mẹ hiện nay: $6 + 27 = 33$ (tuổi) Nhận xét chấm chữa	
2 phút	4.Hoạt động 4: Cùng cố dẫn dò: Nhận xét tiết học	

Bổ sung:

TIẾNG VIỆT : ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II (T2)

I/ Mục tiêu:

- **KT:** Kiểm tra lấy điểm tập đọc và học thuộc lòng. Kết hợp kiểm tra kỹ năng đọc hiểu. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học.

Hệ thống hoá các từ ngữ, thành ngữ, tục ngữ đã học trong hai chủ điểm *Khám phá thế giới* và *Tình yêu cuộc sống*.

- **KN:** Đọc trôi chảy các bài tập đọc. Phát âm rõ, tốc độ đọc 90 tiếng / phút

- **TĐ:** Tích cực tự giác học tập

II/ Chuẩn bị:

Bảng phụ

III/ Các hoạt động dạy học:

Thời gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1phút	1.Hoạt động 1: Giới thiệu bài:	Lắng nghe
12phút	2.Hoạt động 2: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: (1/3 số lượng học sinh trong lớp). Gọi 5 em lên bốc thăm về chuẩn bị 1- 2 phút. Gọi HS lên đọc bài Nêu câu hỏi	Lần lượt 5 em lên bốc thăm. Về chuẩn bị. Lên đọc bài Trả lời câu hỏi
15phút	3. Hoạt động 3: Hướng dẫn làm bài tập: BT2: Nêu yêu cầu hoạt động Phát bảng nhóm cho một số nhóm	1 em nêu yêu cầu bài tập. Cả lớp đọc thầm. Hoạt động nhóm bốn

		Thảo luận
6phút	Hoạt động du lịch	
	Đồ dùng cần cho chuyến du lịch	Va li, cần câu, lều trại, áo quần thể thao, thiết bị nghe nhạc, điện thoại, đồ ăn, nước uống,
	Phương tiện giao thông	Tàu thủy, bến tàu, tàu hỏa, ô tô con, máy bay, tàu điện, xe buýt, ga tàu. Sân bay, vé tàu, xe máy, xe xích lô,.
	Tổ chức, nhân viên phục vụ du lịch	Khách sạn, hướng dẫn viên, nhà nghỉ, phòng nghỉ, công ti du lịch, tuyến, tua du lịch,..
	Địa điểm tham quan, du lịch	Phố cổ, bãi biển, công viên, hồ, núi, thác nước, đền ,chùa ,di tích lịch sử, bảo tàng, nhà lưu niệm
	Hoạt động thám hiểm	
	Đồ dùng cho cuộc thám hiểm	La bàn, lều trại, thiết bị an toàn, quần áo, đồ ăn, nước uống, đèn pin, dao, bật lửa, vũ khí,..
	Kho khăn, nguy hiểm cần vượt qua	Bão, thu dữ, núi cao vực sâu, rừng rậm, sa mạc, tuyết, sóng thần, mưa gió,..
	Những đức tính cần thiết của người tham gia đoàn thám hiểm	Kiên trì, dũng cảm, can đảm, táo bạo, bền gan, bền chí, thông minh, nhanh nhẹn, sáng tạo, ưa mạo hiểm, ham hiểu biết, thích khám phá, không ngại khổ, ngại khó,..
	Tình yêu cuộc sống	
	Những từ có tiếng lạc(lạc nghĩa là vui, mừng)	Lạc quan, lạc thú
	Những từ phức chứa tiếng vui	Vui chơi, góp vui, mua vui, vui thíchm vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui nhộn, vui tươi, vui vẻ,..
	Từ miêu tả tiếng cười	Cười khanh khách, rúc rích, ha hả, hì hì, hơ hơ hơ hớ, khúc khích, sặc sặc, sặc sụa,..
	3phút	Giải nghĩa 3.Hoạt động 4: Cùng cố dặn dò: Nhận xét tiết học.

Bổ sung:

.....

Thứ ba ngày 14 tháng 5 năm 20..

TIẾNG VIỆT : ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II (T3)

I/ Mục tiêu:

- **KT:** Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và học thuộc lòng. Kết hợp kiểm tra kĩ năng đọc hiểu. Ôn luyện viết đoạn văn miêu tả cây cối. Nghe - viết đúng chính tả, trình bày đúng bài *Cây xương rồng*.
- **KN:** Yêu cầu đọc trôi chảy các bài tập đọc. Phát âm rõ, tốc độ đọc 90 tiếng / phút
- **TĐ:** Tích cực, tự giác học tập.

II/ Chuẩn bị:

Phiếu viết tên các bài tập đọc và học thuộc lòng. Bảng phụ.

III/ Các hoạt động dạy học:

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1phút	1.Hoạt động 1: Giới thiệu bài:	Lắng nghe
14phút	2.Hoạt động 2: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: (1/3 số lượng học sinh trong lớp). Gọi 5 em lên bốc thăm về chuẩn bị 1-2 phút. Gọi HS lên đọc bài Nêu câu hỏi	Lần lượt 5 em lên bốc thăm. Về chuẩn bị. Lên đọc bài Trả lời câu hỏi
18phút	3. Hoạt động 3: Nghe - viết: Đọc bài <i>Cây xương rồng</i> . H: Cây xương rồng có đặc điểm gì nổi bật? + Tìm từ khó viết Lưu ý cách viết : -Ghi đề bài vào chính giữa -Đầu dòng thụt vào một ô -Viết hoa đầu câu. Đọc bài Dò bài Chấm chữa	1 em đọc toàn bài. -Là loài cây có thể sống ở nơi khô cạn, sa mạc. -Chứa nhiều nước, có gai sắc, có mủ trắng, lá nhỏ. -Nhựa xương rồng rất độc. -Được trồng để làm hàng rào hoặc làm thuốc + <i>xăng-ti-mét, mọng nước, mủ nhựa, thuôn dần, tán, chỗ lõm, bản, mọc hoang,..</i>
2phút	3.Hoạt động 4: Cùng cố dặn dò: Nhận xét tiết học.	Viết bài Trao đổi vở với bạn để tìm lỗi

Bổ sung:

TOÁN: LUYỆN TẬP CHUNG

I/ Mục tiêu:

-KT:Giúp học sinh ôn tập, củng cố về: Sắp xếp các số đo diện tích theo thứ tự từ bé đến lớn. Tính giá trị của biểu thức có chứa phân số. Tìm một thành phần chưa biết của phép tính. Giải bài toán liên quan đến tìm hai số biết tổng và hiệu hoặc biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

-KN: Rèn kỹ năng về sắp xếp, giải toán có liên quan về tìm hai số khi biết tổng, hiệu và tỉ số của hai số.

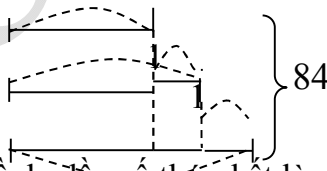
-TD: Có thái độ học tập nghiêm túc.

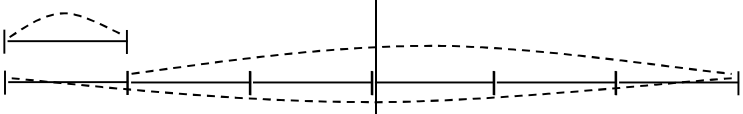
II/Chuẩn bị:

Bảng phụ.

III/ Các hoạt động dạy học:

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
	A. Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ:	

3phút	Giải bài tập 5 sách giáo khoa											
1phút	B.Bài mới:	Lắng nghe										
4phút	1.Hoạt động 2: Giới thiệu bài: 2.Hoạt động 3: Luyện tập: BT1: (Dành cho HS khá giỏi)	Nêu yêu cầu bài tập										
	<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Tỉnh</td> <td>Lâm Đồng</td> <td>Đắc Lắc</td> <td>Kon Tum</td> <td>Gia Lai</td> </tr> <tr> <td>Diện tích</td> <td>9765km²</td> <td>19599km²</td> <td>9615km²</td> <td>15496km²</td> </tr> </table>	Tỉnh	Lâm Đồng	Đắc Lắc	Kon Tum	Gia Lai	Diện tích	9765km ²	19599km ²	9615km ²	15496km ²	
Tỉnh	Lâm Đồng	Đắc Lắc	Kon Tum	Gia Lai								
Diện tích	9765km ²	19599km ²	9615km ²	15496km ²								
7phút	Nêu tên tỉnh theo thứ tự DT từ bé đến lớn Nhận xét. Chấm chữa BT 2: Tính	+ Kon Tum, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắc Lắc 3 em đọc kết quả Nêu yêu cầu bài tập 4 em lên bảng										
	<p>a) $\frac{2}{5} + \frac{3}{10} - \frac{1}{2} = \frac{4}{10} + \frac{3}{10} - \frac{5}{10} = \frac{2}{10} = \frac{1}{5}$</p> <p>b) $\frac{8}{11} + \frac{8}{33} \times \frac{3}{4} = \frac{8}{11} + \frac{2}{11} = \frac{10}{11}$</p>	<p>c) $\frac{7}{9} \times \frac{3}{14} : \frac{5}{8} = \frac{1}{6} \times \frac{8}{5} = \frac{4}{15}$</p> <p>d) $\frac{5}{12} - \frac{7}{32} : \frac{21}{16} = \frac{5}{12} - \frac{1}{6}$ $= \frac{5}{12} - \frac{2}{12} = \frac{3}{12} = \frac{1}{4}$</p>										
6phút	BT3: Tìm x: a) $x - \frac{3}{4} = \frac{1}{2}$ $x = \frac{1}{2} + \frac{3}{4}$ $x = \frac{5}{4}$	Nêu yêu cầu bài tập Tự làm bài vào vở. 2 em lên bảng										
7phút	b) $x : \frac{1}{4} = 8$ $x = 8 \times \frac{1}{4}$ $x = 2$ BT4: (Dành cho HS khá giỏi) Hai STN liên tiếp nhau hơn kém nhau 1 đơn vị Ta có sơ đồ: ST nhất:  ST hai: ST ba: Theo sơ đồ, ba lần số thứ nhất là: $84 - 1 - (1 + 1) = 81$ Số th. nhất: $81 : 3 = 27$ Số th. hai: $27 + 1 = 28$ Số th. ba: $28 + 1 = 29$ Đáp số: 27, 28, 29	Nhận xét Nêu yêu cầu bài tập 1 em lên bảng viết										
7phút	BT5: (Dành cho HS khá giỏi)	Nêu yêu cầu bài tập										
	Bài giải: Ta có sơ đồ: ?tuổi Tuổi con: 30tuổi Tuổi bố: ?tuổi											
G	Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau: $6 - 1 = 5$ (phần) Tuổi con là: $30 : 5 = 6$ (tuổi) Tuổi bố là: $6 + 30 = 36$ (tuổi)											

2phút		
	Nhận xét 3.Hoạt động 4: Củng cố dặn dò: Nhận xét tiết học	

Bổ sung:

.....

TIẾNG VIỆT : ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II (T 4)

I/ Mục tiêu:

- **KT:** Ôn luyện về các kiểu câu: câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiến. Ôn lại về trạng ngữ, ý nghĩa của trạng ngữ.
- **KN:** Có kĩ năng làm các bài tập thộc dạng các kiểu câu: câu hỏi, câu kể, câu cảm, câu khiến. Trạng ngữ, ý nghĩa của trạng ngữ.
- **TĐ:** Có thái độ học tập nghiêm túc, yêu Tiếng Việt.

II/ Chuẩn bị:

Tranh minh hoạ bài đọc sách giáo khoa. Bảng phụ

III/ Các hoạt động dạy học:

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1phút	1.Hoạt động 1: Giới thiệu bài:	Lắng nghe
17phút	2.Hoạt động 2: Luyện tập: BT1, 2: Treo tranh minh hoạ Phát phiếu học tập Trong bài văn trên có 1 câu hỏi, 2 câu cảm, 2 câu khiến, 2 câu còn lại đều là câu kể.	Nêu yêu cầu bài tập. Đọc truyện <i>Có một lần</i> Quan sát tranh Hoạt động nhóm đôi Thảo luận Trình bày -Câu hỏi: +Răng em đau, phải không -Câu kể: +Có một lần trong giờ tập đọc, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm. +Thế là má sưng phồng lên. +Nhưng dù sao cũng phải nói ra để không bao giờ mắc lỗi như vậy nữa -Câu cảm: +Ôi đau răng quá! +Bụng răng sưng của bạn ấy chuyển sang má khác rồi.

15phút	BT3:	-Câu khiến: +Em về nhà đi! +Nhìn kia! Nêu yêu cầu bài tập Hoạt động nhóm 4 Thảo luận Trình bày
Lời giải: <i>Có một lần trong giờ tập đọc, tôi nhét tờ giấy thấm vào mồm.</i> TN: Chỉ thời gian <i>Ngồi trong lớp, tôi lấy lưỡi đẩy đi đẩy lại cục giấy thấm trong mồm,</i> TN: chỉ nơi chốn thích thú về trò nghịch ngợm của mình Chuyện xảy ra đã lâu TN: chỉ thời gian Thực tình tôi chẳng muốn kể và thấy ngượng quá. TN: chỉ nguyên nhân Tôi cố tình làm thế để khỏi phải đọc bài. TN: chỉ mục đích Nhưng dù sao cũng phải nói ra để không bao giờ mắc lỗi như vậy nữa TN: chỉ mục đích		
2phút	4.Hoạt động 3: Củng cố dặn dò: Nhận xét tiết học Biểu dương những em chăm chú học tập.	

Bổ sung:

Thứ tư ngày 15 tháng 5 năm 20..

TIẾNG VIỆT : ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II (T 5)

I/ Mục tiêu:

- **KT:** Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc học thuộc lòng. Kết hợp kiểm tra kỹ năng đọc hiểu. Nghe - viết chính xác, bài thơ *Nói với em*.
- **KN:** Đọc trôi chảy các bài tập đọc. Phát âm rõ, tốc độ đọc 90 tiếng / phút.
- **TĐ:** Tích cực, tự giác rèn luyện.

II/ Chuẩn bị:

Phiếu viết tên các bài tập đọc và học thuộc lòng.
 Bảng phụ

III/ Các hoạt động dạy học

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1phút	1.Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới:	Lắng nghe
15phút	2. Hoạt động 2: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng(1/3 số lượng học sinh trong lớp). Gọi 5 em lên bốc thăm về chuẩn bị 1-2 phút. Gọi HS lên đọc bài Nêu câu hỏi	Lần lượt 5 em lên bốc thăm. Về chuẩn bị. Lên đọc bài Trả lời câu hỏi
18phút	3. Hoạt động 3: Nghe - viết: Đọc bài thơ <i>Nói với em</i> . H: Nhắm mắt lại em nhỏ thấy được điều gì? H: Bài thơ muốn nói lên điều gì? + Tìm từ khó viết Lưu ý cách viết : -Ghi đề bài vào chính giữa -Đầu dòng thơ thụt vào 2 ô -Viết hoa đầu câu thơ. -Sau mỗi khổ thơ (4 câu) bỏ trống một dòng Đọc bài Dò bài Chấm chữa Chấm một số em Chữa lỗi	1 em đọc toàn bài. - Nhắm mắt lại em nhỏ sẽ nghe được tiếng chim hót, tiếng bà kể chuyện, gặp bà tiên, chú bé đi hái bẫy dậm, cô tấm, cha mẹ.. -Trẻ em luôn sống trong tình yêu thương, trong những câu chuyện cổ tích và trong thiên nhiên tươi đẹp. + <i>nhắm mắt, lộng gió, lịch rích, chìa vôi, sớm khuya, vất vả,..</i>
2phút	4.Hoạt động 4: Củng cố dặn dò Nhận xét tiết học.	Viết bài Trao đổi vở với bạn để tìm lỗi

Bổ sung:

TOÁN: **LUYỆN TẬP CHUNG**

I/ Mục tiêu:

-KT:Giúp học sinh ôn tập, củng cố về: Đọc số, xác định giá trị của chữ số theo vị trí của chữ số đó trong mỗi số. Thực hiện các phép tính với số tự nhiên. So sánh hai phân số. Giải bài toán liên quan đến tính diện tích hình chữ nhật và các số đo khối lượng.

-KN: Rèn kĩ năng về đọc số, giải toán có liên quan tới tính diện tích hình chữ nhật và các số đo khối lượng.

-TD: Tự giác học tập.

II/ Chuẩn bị:

Bảng phụ.

III/ Các hoạt động dạy học:

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
4phút	A. Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ: Tính: $\frac{2}{4} + \frac{4}{2} - \frac{1}{2}$; $\frac{7}{5} + \frac{4}{2}$	2 hs làm bảng
1phút	B. Bài mới: 1. Hoạt động 2: Giới thiệu bài: 2. Hoạt động 3: Luyện tập: BT1:	Lắng nghe Nêu yêu cầu bài tập Đọc số
4phút	a) Đọc số Ghi các số lên bảng: 975 368 ; 6 020 975 ; 94 351 708 ; 80 060 090	3 em đọc kết quả
7phút	b) Nêu giá trị của chữ số 9 + 975 368 → Chữ số 9 ở hàng trăm nghìn, lớp nghìn, giá trị: 900000 + 6 020 975 → Chữ số 9 ở hàng trăm lớp đơn vị, giá trị: 900.	+ 94 351 708 → Chữ số 9 ở hàng chục triệu, lớp triệu, giá trị: 90 000 000. + 80 060 090 → Chữ số 9 ở hàng chục lớp đơn vị, giá trị: 90 Nêu yêu cầu bài tập
6phút	Nhận xét. Chấm chữa BT 2: (Thay bài 101598:287 thành bài chia cho số có hai chữ số) Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?	4 em lên bảng $\begin{array}{r} 235 \\ \times 325 \\ \hline 1175 \\ 470 \\ \hline 76375 \end{array}$ Nhận xét bài làm của bạn Nêu yêu cầu bài tập
7phút	Nhận xét chấm chữa BT3: (Cột 2 dành HS khá giỏi) Muốn điền dấu > ; < ; = ta cần làm gì? $\frac{5}{7} < \frac{7}{9}$ $\frac{7}{8} > \frac{5}{6}$ $\frac{10}{15} = \frac{16}{24}$ $\frac{19}{43} < \frac{19}{34}$	Tính toán, so sánh hai vế $\frac{10}{15} ; \frac{16}{24}$ ta cần rút gọn $\frac{19}{43} ; \frac{19}{34}$ so sánh hai phân số cùng tử số Tự làm bài vào vở. 2 em lên bảng Nêu yêu cầu bài tập
	Chấm chữa BT4: Giải: Chiều rộng thửa ruộng là: $120 \times \frac{2}{3} = 80$ (m) Diện tích của thửa ruộng là: $120 \times 80 = 9600$ (m)	Nhận xét

7phút	<p>Số tạ thóc thu được từ thửa ruộng là: $50 \times (9600 : 100) = 4800 \text{ (kg)}$ $4800\text{kg} = 48 \text{ tạ}$ Đáp số: 48 tạ</p> <p>BT5: (Dành cho HS khá giỏi) a) Ta có $ab0 - ab = 207$</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ta nhận thấy b phải khác 0 vì nếu $b = 0$ thì $0 - 0 = 0$ (khác 7). * Lấy $10 - 7 = 3$, nhớ 1 sang a thành $a + 1$ (ở hàng chục). • b trừ $a + 1$ bằng 0 thì $a + 1 = 3$, ta tìm được $a = 2$. * Vậy ta có phép tính $230 - 23 = 207$ <p>Nhận xét 3.Hoạt động 4: Cùng cố dặn dò: Nhận xét tiết học</p>	<p>Nêu yêu cầu bài tập 2 em lên bảng viết</p> <p>b) $ab0 + ab = 748$ -Ta nhận thấy ở hàng đơn vị: $0 + b = 8 \rightarrow b = 8$ -ở cột chục $b + a$ bằng 14 (nhớ 1 sang hàng trăm) $\rightarrow a = 6$. Vậy ta có phép tính $680 + 68 = 748$</p>
2phút		

Bổ sung:

TIẾNG VIỆT : ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II (T 6)

I/ Mục tiêu:

- **KT:** Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc học thuộc lòng. Kết hợp kiểm tra kỹ năng đọc hiểu. Thực hành viết đoạn văn miêu tả hoạt động của con vật .
- **KN:** Đọc trôi chảy các bài tập đọc. Phát âm rõ, tốc độ đọc 90 tiếng / phút.
- **TĐ:** Có thái độ học tập nghiêm túc, yêu Tiếng Việt.

II/ Chuẩn bị:

Bảng phụ

III/ Các hoạt động dạy học:

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1phút 12phút	1.Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới: 2.Hoạt động 2: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: (1/3 số lượng học sinh trong lớp). Gọi 5 em lên bốc thăm về chuẩn bị 1- 2 phút. Gọi HS lên đọc bài Nêu câu hỏi	Lắng nghe Lần lượt 5 em lên bốc thăm. Về chuẩn bị. Lên đọc bài Trả lời câu hỏi
20phút	3.Hoạt động 3: Hướng dẫn học sinh luyện tập thực hành viết đoạn văn: Bài 2: Quan sát tranh minh họa về chim bồ câu H: Em sẽ miêu tả hoạt động nào của	1 em nêu yêu cầu bài tập. Cả lớp đọc thầm sách giáo khoa Trả lời Quan sát tranh -Khi bồ câu nhặt thóc.

2phút	<p>chim bồ câu?</p> <p>Lưu ý: Đoạn văn các em vừa đọc được trích từ sách phổ biến khoa học. Trong đoạn văn các em viết cần tả hoạt động của chim bồ câu với tình cảm của mình để bài văn sinh động, hấp dẫn hơn.</p> <p>Theo dõi Gọi học sinh phát biểu Sửa lỗi dùng từ, đặt câu, ngữ pháp cho từng học sinh Nhận xét chấm chữa bài làm tốt</p> <p>3.Hoạt động 4: Củng cố dặn dò: Nhận xét tiết học.</p>	<p>-Khi chim bồ câu mẹ mớm mồi cho con. -Khi đôi chim bồ câu đang rĩa lông, rĩa cánh. -Khi chim bồ câu tha thẩn trên mái nhà</p> <p>Thực hành viết bài 3-5 em đọc bài làm của mình</p>
-------	--	--

Bổ sung:

Thứ năm ngày 16 tháng 5 năm 20..

TIẾNG VIỆT : KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

TOÁN: LUYỆN TẬP CHUNG

I/ Mục tiêu:

- **KT:** Giúp học sinh ôn tập, củng cố về viết số. Chuyển đổi các số đo khối lượng. Tính giá trị biểu thức có chứa phân số. Giải bài toán liên quan đến tìm một trong hai số biết tổng và tỉ số của hai số đó. Mối quan hệ giữa hình vuông và hình chữ nhật ; hình chữ nhật và hình bình hành.
- **KN:** Rèn kĩ năng về giải toán thuộc các dạng trên.
- **TĐ:** Tích cực, tự giác học tập

II/Chuẩn bị:

Bảng phụ

III/ Các hoạt động dạy học:

T.gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
4phút	<p>A. Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ: Điền dấu > ; < ; =</p> $\frac{5}{7} \dots \frac{7}{9} \qquad \frac{7}{8} \dots \frac{5}{6}$ $\frac{10}{15} \dots \frac{16}{24} \qquad \frac{19}{43} \dots \frac{19}{34}$ <p>Nhận xét bài cũ</p>	<p>2 em lên bảng Nhận xét</p>
1phút	<p>B.Bài mới: 1.Hoạt động 2: Giới thiệu bài mới: 2. Hoạt động 3: Hướng dẫn HS luyện tập:</p>	<p>Lắng nghe</p>
4phút	<p>BT1: Viết số</p>	<p>Nêu yêu cầu bài tập 3 em lên bảng viết → 365847</p>

9phút	<p>a) Ba trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi bảy. b) Mười sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi tư. c) Một trăm linh năm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm linh chín.</p> <p>BT2: (Cột 3 dành cho HS khá giỏi) Phát bảng nhóm Theo dõi giúp đỡ Gọi HS trình bày Nhận xét chấm chữa BT3:(Câu a dành cho HS khá giỏi)</p>	<p>→ 16530464 → 105072009</p> <p>Nhận xét Nêu yêu cầu bài tập Hoạt động nhóm 4 3 dãy 3 câu Trình bày</p> <p>Nêu yêu cầu bài tập</p>
7phút	<p>a) $\frac{2}{5} + \frac{1}{2} + \frac{7}{10} = \frac{4}{10} + \frac{5}{10} + \frac{7}{10} = \frac{16}{10} = \frac{8}{5}$ b) $\frac{4}{9} + \frac{11}{8} - \frac{5}{6} = \frac{32}{72} + \frac{99}{72} - \frac{60}{72} = \frac{71}{72}$ c) $\frac{9}{20} - \frac{8}{15} \times \frac{5}{12} = \frac{9}{20} - \frac{2}{9} = \frac{81}{180} - \frac{40}{180} = \frac{41}{180}$ d) $\frac{2}{3} : \frac{4}{5} : \frac{7}{12} = \frac{2}{3} \times \frac{5}{4} \times \frac{12}{7} = \frac{10}{7}$</p>	
7phút	<p>BT4:</p> <div style="text-align: center; margin: 10px 0;"> <p>Ta có sơ đồ:</p> <p>Học sinh trai: $\begin{array}{ c c c c } \hline & & & \\ \hline \end{array}$</p> <p>Học sinh gái: $\begin{array}{ c c c c c } \hline & & & & \\ \hline \end{array}$</p> </div> <p>Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là: $3 + 4 = 7$ (phần) Số học sinh gái của lớp đó là: $35 : 7 \times 4 = 20$ (học sinh) Đáp số: 20 học sinh gái</p>	
4phút	<p>Nhận xét chấm chữa. BT5: Hình chữ nhật và hình vuông có chung những đặc điểm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có 4 góc vuông • Có từng cặp đối diện song song và bằng nhau • Có các cạnh liên tiếp vuông góc với nhau <p>→ Từ đó suy ra hình vuông là hình chữ nhật đặc biệt(có chiều dài bằng chiều rộng) Nhận xét chấm chữa.</p>	<p>Nhận xét Nêu yêu cầu bài tập Hình chữ nhật và hình bình hành có chung những đặc điểm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có từng cặp đối diện song song và bằng nhau <p>→ Từ đó suy ra hình chữ nhật là hình bình hành đặc biệt</p> <p>Nhận xét</p>

1phút	3.Hoạt động 4: Củng cố dặn dò: Nhận xét tiết học	
-------	---	--

Bổ sung:

.....

Thứ sáu ngày 17 tháng 5 năm 20..

TIẾNG VIỆT : *Kiểm tra cuối học kỳ II*

TOÁN: *Kiểm tra cuối học kỳ II*

hoc360.net